

## **Vấn đề hòa giải trong xã hội Việt Nam đương đại**

**Trần Hữu Quang**

**Tóm tắt:** Bài viết này cố gắng nhận diện một số phân hóa trong tâm thức xã hội Việt Nam thời hậu chiến, từ đó nêu lên một số vấn đề và suy nghĩ nhằm nhấn mạnh đến yêu cầu tiếp tục thực hiện tiến trình hòa giải trong xã hội Việt Nam đương đại, đặc biệt trong bối cảnh của một nhà nước hiện đại và một xã hội hiện đại mà Việt Nam đang muốn vươn tới.

Từ khóa: Hòa giải, Hòa hợp, Hậu chiến, Tâm lý xã hội.

© 2012 Thời Đại Mới

Cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã trôi qua gần bốn mươi năm kể từ những ngày cuối tháng tư năm 1975 đến nay. Thế nhưng trong tâm thức của không ít người Việt cả ở trong nước lẫn ở nước ngoài, dường như vẫn còn âm ỉ một số tâm tư lưỡng lự hay lẩn tránh nào đó không thuận lợi cho quá trình hòa giải thời hậu chiến. Sự hòa giải sau chiến tranh là điều cần thiết cho hầu như mọi cuộc chiến tranh, nhưng vì cuộc chiến tranh Việt Nam vừa qua còn mang cả màu sắc ý thức hệ nên những mối bất hòa và phân hóa càng sâu sắc, phức tạp, khiến cho sự hòa giải thời hậu chiến càng khó khăn hơn. Có thể dễ dàng nhận thấy một số định kiến và mặc cảm, cả tự ti lẫn tự tôn, mà chúng ta có thể tạm gọi chung là di chứng tâm lý-xã hội của thời chiến, vẫn còn tồn tại dai dẳng với những hình thức và những mức độ cảm xúc đậm nhạt khác nhau, nhất là ở nơi những thế hệ đã từng trực tiếp trải qua thời kỳ chiến tranh ấy.

Sau khi kết thúc chiến tranh, tái lập hòa bình và thống nhất một đất nước bị chia cắt hơn hai thập niên, chủ trương chung của nhà nước Việt Nam là thực hiện chính sách hòa giải và hòa hợp dân tộc. Tuy nhiên, nhiều sự kiện và biện pháp tiến hành sau đó lại cản trở tiến trình này trong thực tế, chẳng hạn như việc kéo dài quá lâu thời gian học tập cải tạo đối với sĩ quan và quan chức của chế độ Sài Gòn, việc kỳ thị đối với những gia đình bị gọi là “ngụy”, rồi những đợt cải tạo công thương nghiệp ở miền Nam... hay kể cả những làn sóng thuyền nhân vượt biên ra

nước ngoài vào nửa cuối thập niên 1970 và nửa đầu thập niên 1980 (đành rằng bản thân chuyện vượt biên là hậu quả của sự phân hóa, nhưng đến lượt nó, hiện tượng này cũng trở thành một tác lực thúc đẩy sự phân hóa trong những năm ấy).

Mặc dù gần đây cũng đã có một số tiếng nói và nỗ lực nhằm mục tiêu cổ súy cho tinh thần hòa giải, nhưng câu chuyện hòa giải dường như vẫn chưa đi tới hồi kết và vẫn còn là chủ đề mà chúng tôi cho là cần phải tiếp tục nghiên cứu và thảo luận, một cách thực sự điềm tĩnh, chân thành và cầu thị.

Nội dung bài viết này không có tham vọng đề cập tới những khía cạnh sử học hay chính trị học của vấn đề hòa giải, mà chỉ muốn đặt ra một số vấn đề và nêu lên một số suy nghĩ nhằm góp phần vào việc nhận diện một số phân hóa xã hội nhằm từ đó bàn luận về vấn đề hòa giải xét dưới kích thước xã hội của nó trong thời hậu chiến, đặc biệt là trong hoàn cảnh đất nước hiện nay.

### **Nhận diện một số phân hóa trong tâm thức xã hội thời hậu chiến**

Sau khi hòa bình và thống nhất đất nước vào năm 1975, do hậu quả của hoàn cảnh lịch sử, xã hội Việt Nam đã phải tiếp tục chứng kiến một số hiện tượng phân hóa trong tâm thức xã hội mà nổi bật nhất là sự phân hóa giữa bên thắng trận với bên bại trận, sự phân hóa giữa phía cộng sản với phía quốc gia, chống cộng, và sự phân hóa giữa ý thức hệ vô thần với ý thức hệ hữu thần.

Mặc dù cả ba sự phân hóa này có thể được bắt gặp nơi cùng những nhóm xã hội hay tầng lớp xã hội nhất định – chẳng hạn một chiến sĩ giải phóng có thể vừa là người cộng sản, vừa là người vô thần, hay một chiến sĩ thuộc quân đội Sài Gòn có thể cũng là một người theo tôn giáo – tuy nhiên, xét về mặt phân tích, những sự phân hóa ấy cần được nhận diện một cách riêng rẽ, vì chúng diễn ra trên những bình diện khác biệt nhau. Loại phân hóa thứ nhất (bên thắng trận / bên bại trận) nằm trên bình diện lịch sử, loại thứ hai (cộng sản / quốc gia, chống cộng) nằm trên bình diện lập trường chính trị và hệ tư tưởng, còn loại thứ ba (hữu thần / vô thần) thì thuần túy nằm trên bình diện hệ tư tưởng. Tuy nhiên, cái khó của tiến trình hòa giải hiện nay có lẽ chính là ở chỗ những loại phân hóa này trong nhiều trường hợp vẫn còn nằm chồng lên nhau trong thực tế xã hội.

Những sự phân hóa ấy đều xuất hiện một cách rõ nét ít nhất trong những năm đầu sau chiến tranh, và phần lớn có liên quan đến những người từng trực tiếp tham gia vào bộ máy quân sự và chính quyền ở hai bên chiến tuyến, nhưng đồng thời cũng có những tác động và hệ lụy không nhỏ về mặt tâm lý và xã hội đối với người thân và con cái trong gia đình của những người này, cũng như đối với một số thành phần xã hội khác như các tôn giáo. Ngay trong nhiều trường hợp gia đình đoàn tụ sau chiến tranh, sự phân hóa cũng có thể xảy ra khi mà gia đình có cả

người theo bên này lẫn người theo phía bên kia, đôi khi không kém phần gay gắt.

Cố thủ tướng Võ Văn Kiệt từng nhận xét về tình hình xã hội thời kỳ đầu sau năm 1975 như sau: “*Rất tiếc là ý thức đoàn kết dân tộc lại một lần nữa bị phần nào xao nhãng bởi bệnh chủ quan và say sưa vì chiến thắng, bởi những cách nhìn hẹp hòi, biệt phái, bởi chuyện phân biệt thắng-thua, bởi những kỳ thị ta-ngụy... Tiếp đó, cuộc cải tạo công thương nghiệp tư nhân ở miền Nam và việc hợp tác hóa nông nghiệp một cách rập khuôn, mà sau này Đại hội Đảng lần thứ VI đã rút kinh nghiệm, là vừa đụng chạm tới cả những người đã từng có công đóng góp cho cách mạng, vừa triệt tiêu đi một nguồn lực kinh tế rất quan trọng. Kinh tế khó khăn, đời sống bấp bấp, cộng với những phương thức quản lý xã hội quá cứng nhắc và tình trạng kỳ thị thành phần... đã làm cho cả một số người yêu nước, muốn đóng góp cho đất nước cũng đành dứt áo ra đi.*”<sup>1</sup>

Sau đó, dần dà theo năm tháng, những sự đổ kỵ và hiềm khích rồi cũng nguôi ngoai đi theo nhịp độ hồi phục và phát triển kinh tế kể từ khi khởi sự công cuộc đổi mới vào năm 1986, mở cửa giao lưu buôn bán, đón nhận đầu tư và du lịch từ các nước, bình thường hóa quan hệ ngoại giao với các nước cựu thù, đón tiếp Việt kiều kể cả những người từng vượt biên từ các nước trở về thăm quê hương và làm ăn, kinh doanh...

Tuy nhiên, nếu nhìn kỹ vào tình hình ngày nay, xã hội Việt Nam phải chăng đã hoàn toàn xóa bỏ mọi sự phân hóa, chấm dứt mọi sự định kiến và nghi kỵ? Chúng tôi thiên nghĩ là chưa. Dưới nhiều hình thức, vẫn còn tồn tại những nếp di chứng của thời kỳ ly tán quá khứ còn in hằn trong ký ức và ý thức của những nhóm xã hội khác nhau cả ở phía bên này lẫn phía bên kia, và kể cả phần nào nơi thế hệ con em của những nhóm xã hội này.

Những loại phân hóa mà chúng tôi nêu trên đây nếu chỉ là những biểu hiện của những sự khác biệt về quan điểm hay chính kiến thì đầy hoàn toàn là chuyện bình thường trong một xã hội bình thường. Nhưng điều đáng đặt vấn đề ở đây là những sự phân hóa ấy trong xã hội Việt Nam kể từ khi kết thúc chiến tranh đến nay vẫn còn thể hiện trong chiều sâu của chúng như là những sự *đứt đoạn* hay những sự *đoạn tuyệt* về mặt xã hội – nói nôm na là sự phân hóa vẫn còn xung khắc đến mức không nhìn mặt nhau, không chấp nhận nhau, thậm chí vẫn còn trong tâm thế một mất một còn.<sup>2</sup>

---

<sup>1</sup> Võ Văn Kiệt, “Đại đoàn kết dân tộc – cội nguồn sức mạnh của chúng ta”, *Tuổi trẻ*, 31-8-2005.

<sup>2</sup> Về phía người Việt ở Hoa Kỳ, một sự kiện khá điển hình là gần đây, tờ báo *Người Việt* đã phải lên tiếng “xin lỗi” độc giả vì đã đăng một bức thư trong mục “Thư độc giả” có “*nội dung, lời lẽ xúc phạm đến tập thể người Việt tị nạn*”, và

Phải chăng “*quá khứ dường như vẫn chưa hoàn toàn được khép lại*”<sup>3</sup>? Chúng tôi cho rằng đây thực sự là một câu hỏi hết sức đáng suy nghĩ đứng trên phương diện xã hội.

Hiện thực lịch sử đã đặt ra những vấn nạn xã hội mà ngày nay mục tiêu đoàn kết dân tộc nếu thực tâm muốn đạt tới thì không thể không tiếp tục thúc đẩy hơn nữa tiến trình hòa giải cho dù chiến tranh đã đi qua gần bốn mươi năm, cho dù đã “*bỏ lỡ nhiều cơ hội*”,<sup>4</sup> vì thà làm trễ còn hơn không làm.<sup>5</sup>

### Vì sao phải hòa giải?

Nếu thừa nhận rằng những loại hình phân hóa trong tâm thức xã hội mà chúng tôi đã nêu ở phần đầu cũng như những vết thương di chứng và đau khổ do chiến tranh ở cả hai phía là có thực, thì chuyện làm sao để tiến tới hòa giải thực sự là điều tất yếu phải làm, cho dù có khó khăn đến mấy đi nữa.

Mới đây, vào giữa năm 2012, bà Nguyễn Thị Bình, người từng là

---

*tuyên truyền cho chế độ Cộng Sản*” (xem Hà Giang, “Đại diện Người Việt gặp gỡ cộng đồng”, *Người Việt* [Nam California, Hoa Kỳ], 13-7-2012, và xem thêm bài phỏng vấn của Thành Luân, “Nhà báo Etcetera Nguyễn - Tổng thư ký báo *Việt Weekly* (quận Cam, bang California, Hoa Kỳ): Cần đối thoại để hòa giải dân tộc”, *Đại đoàn kết*, 17-7-2012, dẫn lại theo trang [www.viet-studies.info/kinhte/kinhte.htm](http://www.viet-studies.info/kinhte/kinhte.htm), truy cập ngày 19-7-2012).

<sup>3</sup> Xem Ly Lam, “Chấp nhận sự khác biệt để hòa hợp, hòa giải”, *Doanh nhân Sài Gòn cuối tuần*, 29-4-2010 (bài tường thuật cuộc tọa đàm bàn về chủ đề hòa giải và hòa hợp dân tộc do tờ báo *Doanh nhân Sài Gòn* tổ chức, quy tụ một số “chúng nhân lịch sử của giai đoạn 30-4-1975 trong những cương vị khác nhau”). Tại cuộc tọa đàm này, ông Lê Hiếu Đằng có nói như sau: “*Nếu như rất nhiều người chiến bại vẫn mơ về một thể chế như chế độ cũ, thì trong số những người chiến thắng, cũng có người không đặt lợi ích dân tộc lên trên, do đó chuyện hòa giải, hòa hợp vẫn chưa đi vào thực chất. Hàng chục năm sau ngày đất nước thống nhất rồi mà đó đây vẫn còn tình trạng kỳ thị, dò xét đối với những người từng làm việc cho chế độ cũ*” (xem Ly Lam, bài đã dẫn).

<sup>4</sup> Xem nhận định sau đây của Nguyễn Trung: “*Trong 37 năm đất nước độc lập thống nhất đã bỏ lỡ nhiều cơ hội lớn và quan trọng đối với vận mệnh đất nước, kể cả những cơ hội thuận lợi cho những vấn đề đối nội sống còn của đất nước như thống nhất và hòa hợp dân tộc, cải cách thể chế chính trị, lựa chọn con đường phát triển...*” (Nguyễn Trung, “Sự lựa chọn nào dành cho Việt Nam đây? (Ghi lại tâm sự với người bạn già chí cốt)”, 16-3-2012, [www.viet-studies.info](http://www.viet-studies.info), truy cập ngày 20-3-2012).

<sup>5</sup> Đó là chưa kể tới tình hình là hiện nay xuất hiện ngày càng nhiều một cách đáng lo ngại những sự phân hóa mới, trong nhiều lĩnh vực khác nhau, xuất phát từ những căn bệnh như tham nhũng, tranh giành quyền lực và quyền lợi, từ những sai lầm chính sách khiến dẫn đến những vụ khiếu nại và kiện cáo trầm trọng liên quan tới đất đai...

trường phái đoàn của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, rồi của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại cuộc hòa đàm bốn bên ở Paris năm 1968-1973, và sau này từng là Phó chủ tịch nước trong giai đoạn 1992-2002, đã nêu lên khía cạnh đạo lý của yêu cầu hòa giải và hòa hợp dân tộc như sau: “*Chúng ta phải thực hiện và thực hiện tốt chính sách hòa hợp dân tộc. Đó cũng là đạo lý của người Việt Nam. Đối với Mỹ, kẻ thù đã gây cho nhân dân ta bao nhiêu đau thương tang tóc, ta đã có thể thực hiện chủ trương ‘gác lại quá khứ, nhìn về tương lai’ thì không có lý do gì mà người trong một nước không thể hòa giải với nhau, thương yêu nhau, đoàn kết với nhau để cùng nhau xây dựng quê hương của mình. (...) Theo tôi, chúng ta cần phải làm nhiều hơn để hàn gắn vết thương chiến tranh.*”<sup>6</sup>

Hòa giải là để hóa giải những nỗi oán hận của quá khứ, giải tỏa các định kiến và tị hiềm còn sót lại, chấm dứt tình trạng ly tán nhân tâm ít nhiều đã tồn tại quá dài trong những thập niên qua.<sup>7</sup> Có như vậy mới mong tái lập được sự đoàn kết trong xã hội, đem lại một sự hòa bình thực thụ trong tâm thức xã hội. Cần làm sao để mọi người từ mọi phía và mọi chính kiến có thể gặp nhau và sống với nhau một cách thanh thản để cùng hướng tới tương lai. Nhưng cần làm thế nào để có thể thúc đẩy tiến trình hòa giải?

### Làm thế nào để hòa giải?

Điểm đầu tiên theo chúng tôi là cần tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy những *cơ hội gặp gỡ* giữa những bên đang còn những mặc mứu phân hóa và đố kỵ.

Gặp gỡ nhau trước hết là để thiết lập những cây cầu *truyền thông* với nhau và cho nhau – đây là một điều kiện tối quan trọng nhằm xác lập kích thước xã hội của một sự gặp gỡ *mang tính chất hòa bình* giữa con người với con người.

Có truyền thông rồi mới có thể nói đến chuyện *đối thoại*. Có thể coi sự đối thoại thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, nhất là báo chí, không còn chỉ đơn thuần là một “phương tiện” để thực hiện sự

<sup>6</sup> Nguyễn Thị Bình, “Đánh giá về nội các Dương Văn Minh”, *Thanh niên*, 1-6-2012.

<sup>7</sup> Ông Võ Văn Kiệt từng nói đến những hệ quả xã hội tương phản của cuộc chiến như sau: “*Lịch sử đã đặt nhiều gia đình người dân miền Nam rơi vào hoàn cảnh có người thân vừa ở phía bên này, vừa ở phía bên kia (...). Vì thế, một sự kiện liên quan đến chiến tranh khi nhắc lại, có hàng triệu người vui, mà cũng có hàng triệu người buồn. Đó là một vết thương chung của dân tộc cần được giữ lành thay vì lại tiếp tục làm nó thêm rỉ máu*” (“Những đòi hỏi mới của thời cuộc”, bài trả lời phỏng vấn cho Tuần báo *Quốc tế*, 31-3-2005, đăng lại trong *Tuần Việt Nam*, 23-4-2010, <http://tuansvietnam.vietnamnet.vn/2010-04-21-nhung-doi-hoi-moi-cua-thoi-cuoc>, truy cập ngày 30-6-2012).

hòa giải, mà chính là sự hòa giải trong diễn trình của nó. Như vậy hiển nhiên không gian tự do báo chí và tự do ngôn luận là một trong những điều kiện thiết yếu để quá trình này có thể trở thành hiện thực.

Nhưng nền tảng chung của sự đối thoại này là gì? Theo lời ông Võ Văn Kiệt vào năm 2005, “đến nay, 30 năm rồi, những điểm có thể gặp nhau là rất cơ bản, đó là đất nước Việt Nam, là dân tộc Việt Nam, là phát triển, là phồn vinh, là độc lập, tự do, hạnh phúc. (...) Đất nước Việt Nam, giang sơn Việt Nam cùng mọi thành quả của nền văn hóa Việt Nam (...) là tài sản chung của mọi người Việt Nam, của cả dân tộc Việt Nam.”<sup>8</sup>

Một điều kiện quan trọng của tiến trình hòa giải, theo chúng tôi, là cần xác lập và cố sù một tâm thế cởi mở, khoan dung, chấp nhận và tôn trọng sự khác biệt. Vẫn theo lời ông Võ Văn Kiệt, “chính kiến khác nhau, ý kiến khác nhau là bình thường, và điều quan trọng là cần phải có đối thoại, nói chuyện với nhau một cách sòng phẳng”, nhưng nhất thiết “không được quy chụp”.<sup>9</sup>

Trong cái tâm thế khoan dung và tôn trọng sự khác biệt ấy, theo chúng tôi, một trong những điều quan trọng để có thể vượt qua được lòng hận thù giữa các bên sau một thời chiến tranh ly tán, đó là cần vượt qua được cả tâm lý thắng trận lẫn tâm lý bại trận. Ông Võ Văn Kiệt từng kể lại rằng sau ngày 30-4-1975, ông Lê Duẩn, khi ấy là Bí thư thứ nhất Đảng Lao động Việt Nam, lúc vào Sài Gòn vừa xuống thang máy bay đã nói một cách đầy cảm xúc: “Đây là thắng lợi của cả dân tộc, không phải của riêng ai”.<sup>10</sup> Rất tiếc là tư tưởng này sau đó hình như sớm rơi vào quên lãng, và nhiều chính sách của nhà nước cũng như ứng xử thực tiễn của cán bộ trong những giai đoạn tiếp theo đã đi ngược lại chiều hướng ấy.

Ông Võ Văn Kiệt có lần còn nói rõ rằng chuyện yêu nước không thể là độc quyền của riêng thành phần nào: “Có một cách nhìn méo mó từ phía một số người cộng sản rằng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội là đúng, còn những người yêu nước khác mà không yêu chủ nghĩa xã hội thì không yêu nước đủ như mình. (...) Có hàng trăm con đường yêu nước khác nhau. Tổ quốc Việt Nam không của riêng một đảng, một phe phái, tôn giáo nào.”<sup>11</sup> Phải chăng chính lối suy nghĩ hẹp hòi và “méo mó” ấy

<sup>8</sup> Võ Văn Kiệt, “Đại đoàn kết dân tộc...”, bài đã dẫn.

<sup>9</sup> Võ Văn Kiệt trả lời phỏng vấn của đài BBC tại TP. HCM ngày 17-4-2007, do Xuân Hồng thực hiện, [www.bbc.co.uk/vietnamese/vietnam/story/2007/05/070514\\_vo\\_vankiet\\_part\\_3.shtml](http://www.bbc.co.uk/vietnamese/vietnam/story/2007/05/070514_vo_vankiet_part_3.shtml) (truy cập ngày 10-6-2012).

<sup>10</sup> “Những đòi hỏi mới của thời cuộc”, bài phỏng vấn ông Võ Văn Kiệt của Tuần báo *Quốc tế*, 31-3-2005, bài đã dẫn.

<sup>11</sup> Võ Văn Kiệt, bài trả lời phỏng vấn cho đài BBC, bài đã dẫn.

đã cản trở không ít tiến trình hòa giải trong xã hội Việt Nam suốt những năm qua?

Theo ông Võ Văn Kiệt, tâm lý đối đầu giữa người thắng và kẻ bại cũng là một cản trở của sự hòa giải: “*Nếu cứ còn chia rẽ do hận vì bại, kiêu vì thắng, thì có ích gì cho bản thân, cho đất nước...?*”<sup>12</sup>

Tinh thần hòa giải cần được thể hiện một cách nhất quán bằng cách vượt qua lối tư duy biệt phái, phân biệt đối xử một cách hẹp hòi và đóng kín, và thiết lập một không gian đối thoại xã hội. Trong việc tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự chẳng hạn, không thể chấp nhận duy trì mãi kiểu tư duy theo “*chủ nghĩa lý lịch*”. Không thể có hòa giải nếu không tạo được một tinh thần đối thoại thẳng thắn và chân thành, tuyệt đối tránh thái độ kết án, nhất là thái độ chụp mũ, vì điều này phá hỏng ngay từ đầu bản chất của tinh thần đối thoại.

Trong thực tế, theo chúng tôi, việc tuyên truyền và ca ngợi một cách thường xuyên và thái quá những thành tích chiến thắng của một phía có thể vô hình trung khiến cho vết thương quá khứ của những người thuộc phía bên kia tiếp tục “*ri máu*” một cách không cần thiết và hoàn toàn không có lợi cho ý thức hòa giải mà chắc ai cũng mong muốn. Ở đây, cần xem xét lại thứ tâm lý thường được gọi là “*say sưa chiến thắng*”. Chúng tôi nghĩ rằng nhà nước cần loại bớt một cách có ý thức những biểu tượng và những diễn ngôn tôn vinh sự chiến thắng, đặc biệt là vào những dịp lễ tết cổ truyền dân tộc. Có như vậy thì mới mong tất cả mọi người dân, kể cả con em của những gia đình có cha anh từng theo phía bên kia, thực sự nhìn nhận đất nước này, quốc gia này là của mình.

Chúng tôi cho rằng sở dĩ phải làm như vậy không phải chỉ đơn thuần vì lý do tâm lý hay tuyên truyền (để thu phục nhân tâm chẳng hạn), mà trước hết và quan trọng hơn hết, đó là vì nhà nước ngày nay không còn là nhà nước thời chiến mà là một nhà nước thời bình, mà đã là một nhà nước thời bình thì tất yếu phải là một *nhà nước của toàn dân*, chứ không phải của riêng một tầng lớp nào hay thành phần nào, lại càng không phải chỉ là nhà nước của những người thắng trận.

Nhà nước đóng vai trò quan trọng quyết định trong tiến trình hòa giải xã hội, bởi lẽ tư tưởng hòa giải và không phân biệt đối xử cần được thấm thấu một cách có ý thức vào trong các chính sách đối với các tầng lớp xã hội khác nhau, bất kể chính kiến, thành phần xã hội, đảng phái hay tôn giáo.

### **Ý nghĩa xã hội học của sự hòa giải**

Đến đây, chúng tôi muốn điềm lại một số ý tưởng đáng chú ý về hiện tượng hòa giải của Georg Simmel (1858-1918), nhà triết học và xã hội

---

<sup>12</sup> Võ Văn Kiệt, “Đại đoàn kết dân tộc...”, bài đã dẫn.

học người Đức, khi ông viết về *Sự xung đột* (*Der Streit*) trong chương 4, quyển *Xã hội học* (*Soziologie*) của ông xuất bản vào năm 1908.<sup>13</sup>

Đôi với Simmel, xung đột không nên được coi như một hiện tượng tiêu cực, mà đúng ra cần coi đây như một hình thái tích cực của quá trình xã hội hóa, một nhân tố của tình trạng quân bình xã hội vốn có khả năng góp phần vào việc điều tiết xã hội cũng như việc tạo ra những chuẩn mực và quy tắc chung cho các bên có liên quan.<sup>14</sup> Everett C. Hughes diễn giải rằng “Simmel coi xung đột là một bộ phận thuộc về cái động năng [dynamic] mà nhờ đó một số người quy tụ lại với nhau (...) trong những sự kết hợp không dễ dàng [uneasy] mà chúng ta gọi là các nhóm.” Hughes coi Simmel tương tự như một “Freud của lĩnh vực nghiên cứu về xã hội”: “Thay vì xem sự thay đổi như là việc gây nhiễu loạn cho một sự vật ổn định tự nhiên mà ta gọi là xã hội, [Simmel] coi bản thân trạng thái ổn định như một thứ quân bình tạm thời (cho dù nó có thể tồn tại khá lâu) giữa các lực đang tương tác với nhau; và theo định nghĩa thì các lực đều chỉ có thể được mô tả trên bình diện thay đổi. Điều này giống một cách kỳ lạ với điều mà Freud đã làm khi nghiên cứu về nhân cách của con người.”<sup>15</sup>

Simmel cho rằng sau một cuộc xung đột, người ta thường đi đến một trong những giải pháp sau đây: hoặc là thông qua sự thắng lợi của một bên liên quan, hoặc là bằng một sự cam chịu, hoặc là bằng cách đi tìm một sự thỏa thuận tạm thời giữa các bên đối kháng – nghĩa là: hoặc là sự chiến thắng, hoặc là sự mệt mỏi, hoặc là sự thỏa hiệp.<sup>16</sup>

Theo Simmel, sự thỏa hiệp (*compromise*) là “một trong những phát minh lớn nhất của nhân loại” (tr. 143), vì đây là một trong những kỹ thuật mà con người thường sử dụng trong đời sống hàng ngày. “Con người nguyên thủy, cũng giống như đứa trẻ, thường hành động theo sự thôi thúc tự nhiên bằng cách chiếm đoạt ngay lấy thứ mà mình muốn, không cần biết nó đang thuộc về ai. Bên cạnh quà tặng [gift] thì việc ăn cắp [robbery] là hình thức tự nhiên nhất của sự thay đổi sở hữu, và chính

---

<sup>13</sup> Xem: Georg Simmel, *Le conflit*, dịch từ tiếng Đức sang tiếng Pháp bởi Sybille Muller, Belval, Ed. Circé, Coll. Poche, 2003 (những số trang trích dẫn sau đây đều nằm trong quyển sách này); và xem: Georg Simmel, *Conflict and the Web of Group-Affiliations*, bản dịch của Kurt H. Wolff và Reinhard Bendix, New York, The Free Press (ấn bản lần đầu: 1955), paperback edition, 1964 (để cho độc giả tiện theo dõi, sau đây chúng tôi có ghi chú một số thuật ngữ của Simmel bằng tiếng Anh, trích từ bản dịch tiếng Anh này).

<sup>14</sup> Xem bài giới thiệu của Julien Freund, “Préface”, trong Georg Simmel, *Le conflit*, sách đã dẫn, tr. 11-12.

<sup>15</sup> Everett Cherrington Hughes, “Foreword”, trong Georg Simmel, *Conflict and the Web of Group-Affiliations*, sách đã dẫn, tr. 6.

<sup>16</sup> Xem Julien Freund, bài đã dẫn, tr. 16.



vì thế mà hiếm khi không xảy ra xung đột trong các xã hội nguyên thủy. Nhưng một khi người ta hiểu rằng có thể tránh xung đột bằng cách tặng cho người sở hữu đồ vật mà ta thêm muốn một đồ vật khác mà ta có, làm sao để cuối cùng thì chi phí tổng thể sẽ nhẹ hơn so với trường hợp mà ta tiếp tục xung đột hoặc bắt đầu xung đột – đó chính là điểm khởi thủy của mọi nền kinh tế văn minh, của mọi quá trình lưu thông hàng hóa phát triển sau này. Mọi sự trao đổi đồ vật đều là sự thỏa hiệp” (tr. 143). Ông viết tiếp: “Sự thỏa hiệp thông qua sự hoán đổi – tập quán hàng đổi hàng [exchange] là một trường hợp đặc thù của sự hoán đổi này – diễn tả khả năng (...) tránh cuộc chiến hoặc chấm dứt cuộc chiến trước khi cuộc chiến này được ngã ngũ đơn giản bởi sức mạnh của các bên liên quan” (tr. 144-145).

Theo Simmel, sự hòa giải khác hẳn sự thỏa hiệp: “Sự hòa giải là một phương thức thuần túy chủ quan, tương phản với tính chất khách quan của việc kết thúc cuộc chiến thông qua sự thỏa hiệp”. Sự hòa giải không phải là hệ quả của “sự yếu đuối hay lòng nhân từ, luân lý xã hội hay tình thương tha nhân”, cũng không phải là “tinh thần yêu hòa bình” (tr. 145) bởi lẽ sự hòa giải chỉ xuất hiện với đầy đủ tính chất của nó sau khi người ta đã tham gia hết mình vào một cuộc chiến.

Tinh thần hòa giải là một thứ tâm thế tâm lý-xã hội rất gần với sự “tha thứ” (forgiving) vốn cũng không phải là do phản ứng mềm yếu (tr. 145). “Trong sự hòa giải, cũng tương tự như trong sự tha thứ, có một cái gì đó phi lý tính [irrational], giống như một dạng chối bỏ cái mà ngay trước đó người ta đang là” (tr. 146).

Theo Simmel, cũng giống như sự tha thứ, người ta khó lòng hiểu được trọn vẹn sự hòa giải nếu chỉ xét trên bình diện lý tính: “Trong sự tha thứ, có cái gì đó mà người ta không thực sự hiểu được xét về mặt lý tính; trong chừng mực nào đó, đây cũng chính là đặc trưng của sự hòa giải; và do vậy mà cả hai quá trình xã hội học này đều được tìm thấy một cách có ý nghĩa trong sự huyền nhiệm tôn giáo [mysticism of religion]; sở dĩ chúng như vậy là bởi vì, tuy vẫn là những hiện tượng xã hội học, chúng chứa đựng sẵn một yếu tố mang tính chất huyền nhiệm và tính chất tôn giáo” (tr. 146-147).

Sau một cuộc xung đột, mối quan hệ “hòa giải” là mối quan hệ “đã trải qua một sự đoạn tuyệt [rupture] thực thụ và sau đó được nối lại trên một nền tảng mới” (tr. 147).

Simmel nhận xét rằng “sự hòa giải càng sâu xa và đậm đà khi mà sự đoạn tuyệt đã kéo dài trong một thời gian khá lâu” (tr. 149). Theo ông, điều quan trọng cần xem xét ở đây là “tốc độ nhanh hay chậm của quá trình hòa giải cũng như của quá trình ‘tha thứ và lãng quên’”. Ông viết: “Cũng giống như khi người ta không nên học nhanh quá nếu người ta muốn nhớ lâu những điều đã học được, người ta cũng không nên lãng quên nhanh quá nếu người ta muốn sự lãng quên phát huy hết ý nghĩa xã

*hội học của nó*” (tr. 149).

Simmel nhấn mạnh rằng người ta chỉ có thể hòa giải “*trong một tâm thế cởi mở, hay ít ra trong một tâm thế có ý thức cao hơn*”, và mỗi quan hệ sau khi hòa giải có thể có cường độ đậm đà hơn hẳn so với thời gian trước khi xảy ra đổ vỡ; sở dĩ như vậy là do quá trình hòa giải “*tạo ra một bối cảnh mà trong đó tất cả các giá trị và các khuynh hướng bảo vệ sự đoàn kết trở nên nổi bật một cách rõ rệt hơn và một cách có ý thức hơn*” (tr. 149).

Đáng chú ý là Simmel còn nhận xét rằng ngay cả trong trường hợp mà “*đối tượng của sự xung đột đột nhiên biến mất*” thì vẫn có thể tiếp tục xảy ra một giai đoạn xung đột “*phi lý tính và đầy sóng gió*”, bởi vì “*xúc cảm của chúng ta thường bảo thủ hơn cái đầu của chúng ta*” (tr. 139). Thậm chí “*khi mà cả hai bên đều thừa nhận rằng đối tượng của sự xung đột là hão huyền và không đáng để đánh nhau*”, thì theo Simmel, “*cảm giác xấu hổ về sự sai lầm thường thúc đẩy người ta tiếp tục đánh nhau trong một thời gian dài mà hoàn toàn chẳng có duyên cớ gì cả, và tiêu tốn năng lượng một cách nặng nề*” (tr. 140).

Simmel phân biệt hai trường hợp cực đoan của tình trạng “*bất khả hòa giải*” (*irreconcilability*): trường hợp thứ nhất là trường hợp “*bi thảm nhất*” và trường hợp thứ hai là trường hợp nhẹ nhất; nằm giữa hai trường hợp này là một loạt những mức độ bất khả hòa giải khác nhau mà Simmel không nêu ra chi tiết. Trong trường hợp thứ nhất, sở dĩ không thể hòa giải là do cuộc chiến xung đột đã làm cho “*tâm hồn trải qua một sự biến đổi trong bản thể của mình*”, một sự biến đổi “*không thể đảo ngược*” và có thể được ví như đã bị “*cụt mất hẳn*” một tay hay một chân, chứ không phải chỉ là một “*vết sẹo*”, làm như thể cuộc xung đột “*đã giết chết một cái gì đó [trong tâm can] mà người ta không thể hồi sinh được*” (tr. 151) – theo Simmel, điều này cho thấy “*sự bất lực của ý chí trước thực thể của con người*” (tr. 151-152). Trong trường hợp thứ hai (nhẹ nhất), tuy cả hai phía vẫn không thể hòa giải được với nhau và vẫn không quên tất cả những sự cay cú đã từng ném trái trong cuộc xung đột, nhưng những ký ức ấy và những sự chịu đựng ấy không còn bị coi là những tổn thất, mà ngược lại, “*được tháp nhập vào trong hình ảnh của người bên kia*” như là những “*yếu tố hữu cơ*”, “*cũng giống như thể chúng ta yêu mến một người với tất cả những khuyết điểm của họ*”, hay nói cách khác, những căn nguyên của sự xung đột giờ đây dường như đã “*được khoanh lại*” (*localized*) (tr. 152).

Thiết tưởng những ý tưởng của Georg Simmel có thể gợi lên cho chúng ta những suy nghĩ và giả thuyết bổ ích liên quan tới chủ đề đang bàn.

### **Nỗ lực của giáo hội Phật giáo**

Có lẽ do sự hòa giải xét ở một khía cạnh nào đó vượt lên trên lý tính

thông thường và phần nào đó mang tính chất “*huyền nhiệm tôn giáo*” như Georg Simmel nói nên chúng ta mới chứng kiến một số nỗ lực của giáo hội Phật giáo qua những buổi lễ cầu siêu trong những năm gần đây theo hướng tinh thần hòa giải này.

Vào đầu năm 2007, thiền sư Thích Nhất Hạnh cùng tăng đoàn Làng Mai (Pháp) đã tổ chức lễ “Đại trai đàn bình đẳng chẵn tề” lần lượt tại chùa Vĩnh Nghiêm ở TP. HCM từ ngày 16 đến 18-3-2007, tại chùa Diệu Đế ở Huế từ ngày 4 đến 6-4-2007, và ở chùa Non, Sóc Sơn gần Hà Nội, từ ngày 20 đến 24-4-2007,<sup>17</sup> với mục đích là đề “*cầu siêu độ cho tất cả đồng bào tử nạn trong chiến tranh, trong đó có chiến sĩ trận vong, nạn nhân chiến tranh, những người bị mất tích mà hài cốt chưa tìm được... không phân biệt chủng tộc, Bắc Nam, tôn giáo, chính kiến, già trẻ hay trai gái*”, theo lời thiền sư Thích Nhất Hạnh.<sup>18</sup>

Đầu năm 2010, Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Ban trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh Kon Tum đã tổ chức đại lễ “Đại trai đàn kỳ siêu bạt độ anh linh các anh hùng liệt sĩ, đồng bào tử nạn trong chiến tranh ở năm tỉnh Tây Nguyên” tại chùa tháp Kỳ Quang (tỉnh Kon Tum) từ ngày 14 đến 15-3-2010.<sup>19</sup>

Theo lời thiền sư Thích Nhất Hạnh, trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam, “*phía nào cũng có người trực tiếp hoặc gián tiếp gánh chịu khổ đau*”, do vậy đại lễ cầu siêu là một “*phương pháp tâm lý trị liệu*” nhằm “*chấm dứt và không truyền khổ đau, hận thù đến thế hệ tương lai*”, nhằm “*chữa lành những vết thương rướm máu lâu ngày chưa lành (...), nối kết lại tình đồng bào ruột thịt*”, bằng cách “*đưa những đau khổ đó lên ánh sáng của ý thức, nhận diện nó và mới chuyển hóa nó được*”. Do vậy, “*nội dung*” thực sự của nghi lễ trai đàn này là “*hòa giải, xóa bỏ hận thù, là sự trị liệu rất cần thiết để hòa hợp dân tộc*”.<sup>20</sup>

Dù sao suy cho cùng thì cũng đã đến lúc chúng ta phải đặt ra những câu hỏi như thế nào là thắng, thế nào là bại, thế nào là được, thế nào là mất trong cuộc đời... xét trên bình diện triết lý hay kể cả trên bình diện tư tưởng tôn giáo thì may ra mới có thể vượt qua những tị hiềm và xung khắc của một thời. Có những khía cạnh phức tạp của một số trường hợp phân hóa mà nhân sinh quan của một số tư tưởng tôn giáo có thể giúp

<sup>17</sup> Xem Y. Trinh, “Đại trai đàn bình đẳng chẵn tề: Trị liệu vết thương lòng”, *Tuổi trẻ*, 17-3-2007.

<sup>18</sup> Lê Anh Đù, Yến Trinh phỏng vấn, “Thiền sư Thích Nhất Hạnh: Hòa hợp dân tộc để thống nhất lòng người”, *Tuổi trẻ*, 23-2-2007.

<sup>19</sup> Xem: G. Thu, “Cầu siêu cho liệt sĩ, đồng bào tử nạn trong chiến tranh”, *Người lao động*, 15-3-2010.

<sup>20</sup> Xem bài phỏng vấn của Lê Anh Đù, Yến Trinh, bài đã dẫn.

điều trị một cách tích cực nhằm góp phần vào tiến trình hòa giải trong xã hội.

### **Hội chứng chiến tranh và sự hòa giải xét như một yêu cầu của xã hội hiện đại**

Có lẽ không chỉ có các cựu binh Mỹ mới bị mắc cái mà người ta gọi là “hội chứng chiến tranh” mà cả phía Việt Nam cũng thế, và không chỉ nơi các cựu binh của hai phía mà cả nơi thường dân. Chúng tôi cho rằng hiện tượng này chưa nhận được sự chú tâm đầy đủ của giới sử học lẫn giới tâm lý học và xã hội học Việt Nam trong những năm qua. Một trong những biểu hiện của hội chứng này chính là tâm lý hiềm khích và đổ kỵ giữa các bên vốn xuất phát từ thời chiến và mang hệ quả là nuôi dưỡng và kéo dài sự phân hóa trong tâm thức xã hội vào thời bình.

Đáng tiếc là sau năm 1975, một số bộ phận hay thành phần đáng lý ra có thể đóng vai trò xúc tác quan trọng trong quá trình hòa giải như một số tổ chức và nhân vật thuộc “thành phần thứ ba” ở miền Nam hay kể cả Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam lại không được tạo điều kiện để đóng đúng vai trò của mình. Một số tờ báo hiếm hoi còn hoạt động sau tháng 4-1975 ở Sài Gòn như tờ nhật báo *Tin sáng* hay tờ nguyệt san *Đứng dậy* (trước là *Đổi diện*) cũng không được tồn tại lâu hơn để tiếp tục đóng góp cho tiến trình hòa giải.<sup>21</sup> Hầu hết những đoàn thể xã hội (như tổ chức Hướng đạo chẳng hạn) và tổ chức văn hóa (như các hiệp hội văn hóa và nghiên cứu) hoạt động ở miền Nam trước tháng 4-1975 đều phải giải tán sau thời điểm ấy.<sup>22</sup> Xét rộng ra, có thể nói sự thiếu vắng của một không gian công cộng của một xã hội dân sự lành mạnh cũng là một trong những trở ngại lớn của tiến trình hòa giải và hòa hợp dân tộc.

Trong bài viết này, chúng tôi không đề cập chi tiết tới những chuyện nên làm hay cần làm để thúc đẩy tiến trình hòa giải, bởi lẽ những chuyện này vô cùng đa dạng và phong phú trên nhiều phương diện khác nhau mà ở đây khó lòng hình dung được hết. Ngoài những buổi lễ cầu siêu của giáo hội Phật giáo vừa nêu ở mục trên, chúng tôi chỉ muốn nhắc lại thêm vài sự kiện mang nhiều ý nghĩa và có liên quan tới ông Võ Văn Kiệt mà chúng tôi nghĩ là người có công xướng xuất sớm nhất và cổ vũ mạnh mẽ nhất cho tinh thần hòa giải ở Việt Nam thời hậu chiến.

Theo lời tường thuật của một nhà báo, trong những năm cuối đời, ông Võ Văn Kiệt “*đã có rất nhiều nỗ lực giúp đỡ việc tìm lại hài cốt của những người chết trong thời gian học tập cải tạo; gặp gỡ lãnh đạo hai địa phương, Bình Dương và TP. HCM để bàn về vấn đề nghĩa trang của*

---

<sup>21</sup> Tờ *Tin sáng* đóng cửa năm 1981, còn tờ *Đứng dậy* đóng cửa năm 1978.

<sup>22</sup> Ngay như Đảng Xã hội và Đảng Dân chủ cũng phải giải thể vào năm 1988.

*những người lính Sài Gòn cũ.*<sup>23</sup> Kết quả là vào cuối năm 2006, chính phủ đã ra quyết định chuyển nghĩa trang Biên Hòa (nay thuộc huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương), nơi chôn cất binh lính và sĩ quan của chế độ Sài Gòn, từ sự quản lý của Quân khu 7 thuộc Bộ Quốc phòng sang cho chính quyền dân sự là Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương, và coi khu nghĩa trang này “*bình thường như các nghĩa địa khác*” ở Việt Nam.<sup>24</sup>

Có lần khi đề cập đến cuộc bầu cử quốc hội sắp diễn ra vào giữa năm 2007, ông Võ Văn Kiệt từng nói rằng ông ủng hộ việc để cho các ứng cử viên tự mình đứng ra ứng cử và mong muốn người dân được “*tự do lựa chọn*”, đồng thời ông còn hoan nghênh việc người Việt ở nước ngoài có hai quốc tịch và được tham gia ứng cử ở Việt Nam.<sup>25</sup> Sang năm 2008, theo lời nhà báo Huy Đức, “*trong buổi làm việc cuối cùng, chiều 23-5,*<sup>(26)</sup> *ông nói (...) về ý định sẽ viết chung một cuốn sách với một người đã từng là quan chức cao cấp trong chế độ Sài Gòn. Ông coi đó như là một biểu tượng của tinh thần hòa giải.*”<sup>27</sup>

Theo thiên ý chúng tôi, vấn đề hòa giải bây giờ không còn là một vấn đề chính trị như đã từng được đặt ra tại cuộc hòa đàm ở Paris từ năm 1968 tới năm 1973, mà đã trở thành một *vấn đề của xã hội*. Lẽ tất nhiên, vấn đề này cũng chứa đựng kích thích chính trị bởi nó không thể không dính dáng đến những chủ trương và quyết sách của nhà nước.

Một trong những nguyên nhân của sự phân hóa sâu xa trong xã hội Việt Nam đương đại hình như nằm ở sự lưỡng lập giữa một bên là *tình tự dân tộc* và một bên là *vấn đề ý thức hệ*. Sự hòa giải trong nội bộ một đất nước sau một thời kỳ chiến tranh tương tàn như đã từng xảy ra ở nhiều quốc gia trên thế giới có lẽ dù sao cũng tương đối dễ giải quyết trên cơ sở lợi ích dân tộc, nhưng một khi xuất hiện vấn đề ý thức hệ thì sự tình trở nên phức tạp hơn nhiều.

Theo nhà nghiên cứu xã hội học Tương Lai, nếu “*đặt vấn đề ý thức hệ giai cấp lên trên quyền lợi của tổ quốc, lấy vấn đề trung thành với ý thức hệ đó làm điểm quy chiếu*”, nếu xem “*đấu tranh giai cấp là động lực*”, “*nếu không dứt bỏ kiểu tư duy ‘ai thắng ai’ đó, thì không thể nào chân thành đoàn kết và xác định rõ ‘đồng thuận’ chính là động lực của*

<sup>23</sup> Huy Đức, “Từ nỗi đau của ông, Võ Văn Kiệt”, *Sài Gòn Tiếp thị*, 16-6-2008.

<sup>24</sup> Xem Quyết định số 1568/QĐ-TTg ngày 27-11-2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc “bàn giao đất khu vực nghĩa địa Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương”.

<sup>25</sup> Võ Văn Kiệt, bài trả lời phỏng vấn cho đài BBC, bài đã dẫn.

<sup>26</sup> Ông Võ Văn Kiệt mất ngày 11-6-2008 tại một bệnh viện ở Singapore.

<sup>27</sup> Huy Đức, bài đã dẫn.

phát triển”.<sup>28</sup>

Tuy nhiên xét ở một góc độ khác, phải chăng ý thức hệ thực ra cũng không hẳn là trở lực chính của sự hòa giải (bởi lẽ bây giờ trong diễn ngôn chính thức cũng như trên các diễn đàn công cộng, hầu như không còn ai nói đến “đấu tranh giai cấp” hay “chuyên chính vô sản”), mà vấn đề hiện nay thực chất là vấn đề *duy trì quyền lực của một thiểu số* nhưng được khoác dưới hình thức ý thức hệ?

Lẽ tất nhiên, còn rất nhiều khía cạnh khác nữa của câu chuyện hòa giải xã hội mà bài viết này không thể đề cập được hết và đầy đủ. Do đó hy vọng câu chuyện này cần được tiếp tục quan tâm nghiên cứu và thảo luận một cách nghiêm túc dưới những góc độ khác nhau, kể cả những góc độ lý thuyết lẫn góc độ thực tiễn.

Nếu hoàn cảnh chiến tranh là một hoàn cảnh đặc thù chứa nhiều yếu tố cảm xúc và mang nhiều nét phi lý tính, thì tiến trình hòa giải trong thời bình lại đòi hỏi một tâm thế khoan hòa và một sự đối thoại hòa bình chủ yếu dựa trên cơ sở của lý tính (mặc dù Georg Simmel cho rằng sự hòa giải bao hàm một cái gì đó phi lý tính!).

Trong tiến trình hòa giải và hòa hợp dân tộc, kể cả người dân lẫn các hiệp hội, đoàn thể xã hội và tôn giáo đều có thể và cần được khuyến khích chủ động tham gia vào tiến trình này. Nhưng điều quan trọng mấu chốt ở đây vẫn không thể không nói đến vai trò và trách nhiệm của nhà nước trong tiến trình này. Chúng tôi cho rằng trong thời bình hiện nay, cần xác lập quan niệm về một nhà nước mang tính chất dân sự, tức không phải một nhà nước thời chiến mà cũng không thể là một nhà nước của những người thắng trận. Nhà nước phải là một *nhà nước của toàn dân, của cả quốc gia và dân tộc*, vượt lên trên tất cả các lợi ích cục bộ và hẹp hòi.

Nói tóm lại, để có thể hiện thực hóa tiến trình hòa giải trong xã hội Việt Nam đương đại, theo thiên ý chúng tôi, cần phải đáp ứng một số điều kiện chính sau đây:

a. Xác lập một *nhà nước pháp quyền* theo đúng nghĩa của khái niệm này, tức là cần thực hiện một cách đúng đắn cơ chế tam quyền phân lập.

b. Về mặt tư tưởng, cần vượt qua rào cản *ý thức hệ* thì mới mong xây dựng được một nhà nước pháp quyền, nghĩa là một nhà nước của toàn dân, một nhà nước dân chủ.

---

<sup>28</sup> Trương Lai, “‘Vòng tròn’ nhỏ trong ‘vòng tròn lớn’”, bài phát biểu tại cuộc Hội thảo về giáo dục và đào tạo ngày 29-3-2012 do Câu lạc bộ Tư duy Giáo dục TP. HCM tổ chức). Xem thêm Trương Lai, “Nghĩ về đạo lý dân tộc”, *Vietnamnet*, 30-4-2012.

c. Thừa nhận một xã hội dân sự có tính độc lập tương đối của nó, trong đó điều quan trọng là thừa nhận quyền tự do lập hội nhằm phát huy tối đa các nguồn tiềm lực sáng tạo phong phú trong xã hội.

d. Tạo điều kiện hình thành một không gian thảo luận tự do và công khai trong xã hội thông qua các diễn đàn công cộng như báo chí và các phương tiện truyền thông đại chúng khác như xuất bản, điện ảnh...

Nhà nước trong một xã hội hiện đại là một nhà nước công minh và quảng đại, vận hành trên cơ sở duy lý-pháp lý, biết tôn trọng các quyền của công dân và tôn trọng những sự khác biệt trong lòng xã hội dân sự.

Một nhà nước như vậy chính là một nhà nước mang bản chất của tinh thần hòa giải và tạo cơ hội thuận lợi để mọi người, mọi đoàn thể và tôn giáo tham gia tiến trình hòa giải – đây là một việc làm cần thiết, nhất là trong thời kỳ hậu chiến, đối với một dân tộc sau một thời gian dài phải trải qua một cuộc chiến tranh vừa khốc liệt, vừa bi đát với những phân hóa bị đẩy tới mức cùng cực, như cuộc chiến tranh Việt Nam. Một việc làm cần thiết để tạo sự đoàn kết, động lực chính của sự phát triển.

Nếu không làm được như vậy thì e rằng tình trạng phân hóa trong xã hội Việt Nam quả là đã rơi vào trường hợp không thể hòa giải “bi thảm nhất” mà nhà xã hội học Georg Simmel đã phân tích.